

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/HSPT
Ngày: 21/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Ngô Thị Hà

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Quốc Thành.

2. Bà Hoàng Lan Phương

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Trọng Trạng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2019/HSPT ngày 24 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị H và đồng bọn, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 104/2019/HSST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Các bị cáo kháng cáo:

1. **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: Kì ốt 38 đường vòng NT, phường TS, thành phố Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: 19 KĐ, phường ĐV , thành phố Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Võ Thị H; có chồng là Phạm Văn P và có 01con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; có mặt.

2. **Phạm Văn P**, sinh năm: 1984; Nơi ĐKKHKT: Số nhà 19 ĐT, phường TS, thành phố Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: 19 KĐ, phường ĐV , thành phố Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc:kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P và bà Phạm Thị T; Vợ Phan Thị Anh Đ (đã ly hôn). Hiện nay sống chung với Nguyễn Thị H; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Cống Ngầm phố LS 2, phường TS, thành phố Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03h ngày 03/7/2018, Nguyễn Thị H cùng Phạm Văn P đến điện thờ của bà Nguyễn Thị T ở khu cống ngầm, phố LS 2, phường TS, thành phố Thanh Hóa, mục đích để trộm cắp tài sản. Bị bà T phát hiện, H nhảy xuống khu vực ao trước nhà định tẩu thoát thì bị anh Nguyễn Tiến D là hàng xóm của bà T bắt giữ, còn P điều khiển xe máy bỏ chạy.

Quá trình điều tra H và P khai nhận trong thời gian từ ngày 06/6/2018 đến ngày 16/6/2018 H và P đã hai lần vào khu vực điện thờ của bà T để trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 7h ngày 06/6/2018, H và P đi bộ đến khu vực điện thờ của bà T, P đứng ngoài cảnh giới, còn H vào bên trong dùng gạch đập vỡ tủ kính đặt trước bát nhang lấy 02 chiếc nhẫn vàng hiệu KC và số tiền 890.000đ, sau đó mang đến hiệu vàng ở 153 khu phố 3, thị trấn RT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa bán cho chị Trần Thị H (chủ cửa hàng) 02 chiếc nhẫn với giá 7.044.000đ.

Ngày 14/8/2018 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá 02 chiếc nhẫn vàng 9999 hiệu KC, trọng lượng 02 chỉ có giá trị là 7.300.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 04h ngày 16/6/2018 H và P tiếp tục đến khu vực điện thờ của bà T để trộm cắp tài sản, P dùng lưỡi cưa sắt và tuốc nơ vít mang theo phá cửa xếp, khi vào bên trong H thấy trong tủ kính ở trong phòng có tiền nên đã dùng kim đập vỡ tủ kính lấy số tiền 4.300.000đ.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 104/2019/HSST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS; Điều 589; 357 BLDS; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a, b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị H và Phạm Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: 1. Bị cáo Nguyễn Thị H 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án .

2. Bị cáo Phạm Văn P 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Án sơ thẩm còn quyết định về dân sự, xử lý tang vật, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

* Sau khi xét xử, các bị cáo làm đơn kháng cáo bản án, cụ thể:

Ngày 19/4/2019 bị cáo Phạm Văn P và Nguyễn Thị H kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: cấp sơ thẩm xét xử mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét nên đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục kháng cáo*: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên các nội dung kháng cáo nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm

[2]. *Xét nội dung kháng cáo*: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận đã có hành vi “Trộm cắp tài sản” như cấp sơ thẩm, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào các ngày 06/6/2018 và ngày 16/6/2018 lợi dụng sơ hở của gia đình bà T, Phạm Văn P và Nguyễn Thị H đã lén lút trộm cắp tài sản của bà T 02 lần gồm: 02 chỉ vàng 9999 hiệu Kim chung trị giá 7.300.000đ và số tiền 5.190.000đ tại khu điện thờ của bà T khu cống ngầm, phố LS 2, phường TS, thành phố Thanh Hóa. Tổng trị giá tài sản là 12.490.000đ.

Vì vậy, cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức hình phạt: bị cáo H 15 tháng tù; bị cáo P 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người đúng tội, không oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có ý kiến trình bày: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu trong trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình neo người, là lao động chính trong gia đình. Thấy rằng, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt với mức hình phạt như trên là phù hợp, bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị

[4] Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí HSPT theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của BLTTHS. Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H và Phạm Văn P, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2019/HSST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS; Điều 589; 357 BLDS; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a, b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Xử phạt: 1. Bị cáo Nguyễn Thị H 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

2. Bị cáo Phạm Văn P 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Án phí phúc thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Tỉnh Thanh Hóa;
- CA tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- VKS, TA, THAHS TP Thanh Hóa;
- T.H.ADS TP Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Ngô Thị Hà